

**BẢN TÓM TẮT NHỮNG ĐIỀU KHOẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ LẦN 7  
SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC)**

Phần chữ *in nghiêng* trong Bảng tóm tắt này là những điều khoản được sửa đổi và/hoặc bổ sung trong Dự thảo Điều lệ lần 7 sẽ thông qua tại ĐHĐCĐ năm 2013.

STT	<b>ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH “DLL6” (sửa đổi, bổ sung lần thứ 6)</b>	<b>ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI “DLL7” (sẽ thông qua tại ĐHĐCĐ năm 2013)</b>
<b>Chương I</b>	<b>QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>QUY ĐỊNH CHUNG</b>
01	<p><b>Điều 1. Định nghĩa</b></p> <p>1.1.1. “Công ty” có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ;</p> <p>1.1.8. “Vốn điều lệ” có nghĩa là số vốn do cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ Công ty.</p> <p>1.1.9. “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân đang sở hữu cổ phần của Công ty và được ghi tên trong Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty;</p>	<p><b>Điều 1. Định nghĩa</b></p> <p><i>Ngoài các quy định khác được giữ nguyên như điều lệ hiện hành, Điểm 1.1.1, Điểm 1.1.8, Điểm 1.1.9 và Điểm 1.1.16 được sửa đổi như sau:</i></p> <p><i>1.1.1. “Công ty” có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt – là Công ty Con của Tập đoàn Bảo Việt, là thành viên của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt;</i></p> <p><i>1.1.8. “Vốn điều lệ” có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào điều lệ Công ty.</i></p> <p><i>1.1.9. “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân đang sở hữu cổ phần của Công ty.</i></p>

	<p>1.1.16. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định trong Điều lệ này và thời hạn được gia hạn (nếu có) được ĐHĐCĐ thông qua bằng nghị quyết.</p>	<p><i>1.1.16. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định trong Điều lệ này</i></p>
<p>02</p>	<p><b>Điều 2. Hình thức, tên gọi, trụ sở và người đại diện theo Pháp luật của Công ty</b></p> <p>2.4.2. Việc thay đổi trụ sở chính do Hội đồng Quản trị quyết định và phải được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>2.5.2. Ủy quyền của Người đại diện theo Pháp luật</p> <p>Người đại diện theo Pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên (30) ba mươi ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định của Pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo Pháp luật của Công ty.</p>	<p><b>Điều 2. Hình thức, tên gọi, trụ sở và người đại diện theo Pháp luật của Công ty.</b></p> <p><i>Ngoài các quy định khác được giữ nguyên như điều lệ hiện hành, Điểm 2.4.2 và Điểm 2.5.2 được sửa đổi như sau:</i></p> <p>2.4.2. <i>Việc thay đổi địa bàn đặt Trụ sở chính của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải được UBCKNN chấp thuận.</i></p> <p>2.5.2. <i>Ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật</i></p> <p>2.5.2.1. <i>Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định của Pháp luật để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</i></p> <p>2.5.2.2. <i>Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người đã được ủy quyền (theo quy định tại Tiết 2.5.2.1 của Điều này) vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng</i></p>

		<p><i>Quản trị quyết định bổ nhiệm người khác vào chức danh của Người đại diện theo pháp luật.</i></p> <p>2.5.2.3. <i>Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng Quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</i></p>
03	<p><b>Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p>3.1 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 62 của Điều lệ này hoặc gia hạn hoạt động, thời hạn hoạt động của Công ty là (50) năm mười năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p> <p>3.2 Việc gia hạn thời hạn hoạt động hoặc giải thể Công ty trước thời hạn do ĐHĐCĐ quyết định.</p> <p>3.3 Mọi thay đổi về thời hạn hoạt động của Công ty đều phải được phép của UBCKNN và thực hiện theo quy định của Pháp luật .</p>	<p><b>Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p><b><i>Sửa đổi như sau:</i></b></p> <p>3.1. <i>Thời hạn hoạt động của Công ty là không xác định thời hạn (vô thời hạn) kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.</i></p> <p>3.2. <i>Việc chấm dứt hoạt động hoặc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.</i></p>
<b>Chương II</b>	<b>MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY</b>	<b>MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY</b>
04	<p><b>Điều 4. Các lĩnh vực kinh doanh</b></p> <p>4.1 Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:</p> <p>4.1.1 Môi giới chứng khoán;</p> <p>4.1.2 Tự doanh chứng khoán;</p>	<p><b>Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh</b></p> <p><b><i>Sửa đổi như sau:</i></b></p> <p>5.1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty:</p> <p>5.1.1. Môi giới chứng khoán;</p>

	<p>4.1.3 Bảo lãnh phát hành chứng khoán;</p> <p>4.1.4 Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;</p> <p>4.1.5 Lưu ký chứng khoán.</p> <p>4.2 Công ty có thể tiến hành thay đổi hoặc bổ sung một hoặc một số trong những loại hình kinh doanh quy định tại Khoản 4.1, Điều này theo quyết định của Hội đồng Quản trị sau khi được UBCKNN phê duyệt.</p>	<p>5.1.2. Tự doanh chứng khoán;</p> <p>5.1.3. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;</p> <p>5.1.4. <i>Tư vấn đầu tư chứng khoán.</i></p> <p>5.2. <i>Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh quy định tại Khoản 5.1 của Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ khác theo quy định của Bộ Tài chính và của Pháp luật;</i></p> <p>5.3. <i>Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh quy định tại Khoản 5.1 và 5.2 của Điều này theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông sau khi được UBCKNN chấp thuận..</i></p>
05	<p><b>Điều 5. Mục tiêu hoạt động</b></p> <p>5.1 Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt được thành lập để kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Pháp luật nhằm mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.</p> <p>5.2 Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu nêu tại Khoản 5.1, Điều này cần có sự phê duyệt thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</p>	<p><b>Điều 4. Mục tiêu hoạt động</b></p> <p><b>Sửa đổi như sau:</b></p> <p>4.1. <i>“Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt được thành lập để chú trọng kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Pháp luật nhằm mục tiêu: 1) Tối đa hoá lợi ích cho các cổ đông; 2) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước; 3) Cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động; 4) Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng và 5) Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.</i></p> <p>4.2. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu nêu tại Khoản 4.1, Điều này cần có sự phê duyệt thì Công ty chỉ</p>

		có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
06	<p><b>Điều 6. Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành và kinh doanh chứng khoán của Công ty</b></p> <p>6.2. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán của Công ty:</p> <p>6.2.2. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các pháp luật khác;</p> <p>6.2.3. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>6.2.4. Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;</p> <p>6.2.5. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;</p> <p>6.2.6. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán và ban hành bằng văn bản các quy trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh phù hợp;</p> <p>6.2.7. Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;</p> <p>6.2.8. Phải cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;</p> <p>6.2.9. Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;</p>	<p><b>Điều 6. Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành và kinh doanh chứng khoán của Công ty</b></p> <p><i>Ngoài các quy định được giữ nguyên như điều lệ hiện hành, Khoản 6.2 được sửa đổi và bổ sung như sau:</i></p> <p>6.2.4. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty;</p> <p>6.2.7. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng, đồng thời áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;</p> <p>6.2.8. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.</p> <p>6.2.9. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin;</p> <p>6.2.11. Các nguyên tắc khác theo quy định tại Điều lệ này, các</p>

	6.2.10. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong Công ty phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.	<i>văn bản nội bộ do Công ty quy định và Pháp luật .</i>
07	<p><b>Điều 7. Phạm vi hoạt động kinh doanh</b></p> <p>Công ty chỉ được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và dịch vụ tài chính khác trong nội dung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán và được Luật Chứng khoán cho phép. Công ty cung cấp dịch vụ, sản phẩm mới theo quyết định của Hội đồng Quản trị và phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của UBCKNN.</p>	<i><b>Bỏ điều này vì trùng với Điều 4 của ĐLL7.</b></i>
<b>Chương III</b>	<b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG</b>	<b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG</b>
08	<p><b>Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Công ty</b></p> <p>8.2. Nghĩa vụ của Công ty:</p> <p>8.2.1. Nghĩa vụ trong quản lý kinh doanh của Công ty:</p> <p>8.2.1.1. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;</p> <p>8.2.1.2. Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của Công ty;</p> <p>8.2.1.3. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông</p>	<p><b>Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Công ty</b></p> <p><i><b>Các quy định về quyền của Công ty được giữ nguyên như điều lệ hiện hành, phần nghĩa vụ được sửa đổi và bổ sung như sau:</b></i></p> <p>7.2 Nghĩa vụ của Công ty</p> <p><i>Sửa đổi và bổ sung như sau:</i></p> <p>7.2.1. Nghĩa vụ chung trong quản lý kinh doanh của Công ty:</p> <p>7.2.1.1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>7.2.1.2. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ</p>

<p>tin cho khách hàng;</p> <p>8.2.1.4. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;</p> <p>8.2.1.5. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó;</p> <p>8.2.1.6. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty;</p> <p>8.2.1.7. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;</p> <p>8.2.1.8. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;</p> <p>8.2.1.9. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;</p> <p>8.2.1.10. Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 101 và Điều 104 của Luật Chứng khoán và chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính;</p> <p>8.2.1.11. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Công ty theo Điều 28 Luật Chứng khoán;</p> <p>8.2.1.12. Kinh doanh theo ngành nghề và các loại hình kinh doanh ghi trong giấy phép;</p> <p>8.2.1.13. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền</p>	<p>Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;</p> <p>7.2.1.3. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p><i>7.2.1.4. Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính.</i></p> <p>7.2.1.5. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (nếu có) cho hoạt động kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên;</p> <p>7.2.1.6. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài liệu phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;</p> <p>7.2.1.7. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;</p> <p>7.2.1.8. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;</p> <p><i>7.2.1.9. Ban hành Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở các quy định của Pháp luật, công bố và áp dụng rộng rãi trong toàn Công ty.</i></p> <p>7.2.1.10. Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;</p> <p>7.2.1.11. Các nguyên tắc khác theo quy định của Pháp luật.</p> <p>7.2.2. Nghĩa vụ trong quản lý tài chính của Công ty:</p> <p>7.2.2.1. Tự chủ tài chính, tự bảo đảm chi phí, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, về sự tăng trưởng và bảo</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p>lợi ích của người lao động theo quy định của Pháp luật về Lao động, tôn trọng quyền tổ chức Công đoàn theo Pháp luật về Công đoàn.</p> <p>8.2.2. <i>Nghĩa vụ trong quản lý tài chính của Công ty:</i></p> <p>8.2.2.1. Tự chủ tài chính, tự bảo đảm chi phí, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, về sự tăng trưởng và bảo toàn vốn của Công ty;</p> <p>8.2.2.2. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của Pháp luật ;</p> <p>8.2.2.3. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;</p> <p>8.2.2.4. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ khác với Nhà nước theo quy định của Pháp luật ;</p> <p>8.2.2.5. Tuân thủ các quy định đảm bảo vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính.</p>	<p>toàn vốn của Công ty;</p> <p>7.2.2.2. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của Pháp luật ;</p> <p>7.2.2.3. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;</p> <p>7.2.2.4. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ khác với Nhà nước theo quy định của Pháp luật ;</p> <p>7.2.2.5. Tuân thủ các quy định đảm bảo vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính.</p> <p>7.2.3. <i>Nghĩa vụ đối với cổ đông:</i></p> <p>7.2.3.1. <i>Phân định rõ trách nhiệm giữa ĐHĐCĐ với Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật ;</i></p> <p>7.2.3.2. <i>Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</i></p> <p>7.2.3.3. <i>Không được thực hiện các hành vi sau:</i></p> <p>a. <i>Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định);</i></p> <p>b. <i>Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;</i></p> <p>c. <i>Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình</i></p>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



		<p><i>thức đối với các cổ đông lớn, Thành viên Ban Kiểm soát, Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;</i></p> <p><i>d. Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của Pháp luật ;</i></p> <p><i>e. Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.</i></p> <p>7.2.4. Nghĩa vụ đối với khách hàng:</p> <p>7.2.4.1. <i>Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;</i></p> <p>7.2.4.2. <i>Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;</i></p> <p>7.2.4.3. <i>Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà Công ty cung cấp;</i></p> <p>7.2.4.4. <i>Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ</i></p>
--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của Pháp luật . Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;</p> <p>7.2.4.5. Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ mà Công ty có, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;</p> <p>7.2.4.6. Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;</p> <p>7.2.4.7. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;</p> <p>7.2.4.8. Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;</p> <p>7.2.4.9. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;</p> <p>7.2.4.10. Bảo mật thông tin của khách hàng:</p> <p>a. Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan</p>
--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p><i>đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.</i></p> <p><i>b. Quy định tại Tiêu tiết a trên đây không áp dụng trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>i. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty;</i></p> <p><i>ii. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</i></p> <p><i>7.2.5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.</i></p>
09	<p><b>Điều 9. Các quy định hạn chế</b></p> <p>9.1 Quy định hạn chế đối với Công ty:</p> <p>9.1.1. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;</p> <p>9.1.2. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>9.1.3. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;</p> <p>9.1.4. Không được cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán, trừ trường hợp Bộ Tài chính có quy định khác.</p> <p>9.2 Quy định hạn chế đối với Tổng Giám đốc Công ty và người</p>	<p><b>Điều 8. Các quy định về cấm và hạn chế</b></p> <p><b>Sửa đổi và bổ sung như sau:</b></p> <p>8.1. Quy định hạn chế đối với Công ty</p> <p>8.1.1. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định và có các đảm bảo chắc chắn trong tương lai;</p> <p>8.1.2. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;</p> <p>8.1.3. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCKNN chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng</p>

<p>hành nghề chứng khoán của Công ty:</p> <p>9.2.1. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty Chứng khoán nơi mình đang làm việc;</p> <p>9.2.2. Không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ khác;</p> <p>9.2.3. Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;</p> <p>9.2.4. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính Công ty;</p> <p>9.2.5. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được khách hàng uỷ thác.</p>	<p><i>khoán với khách hàng:</i></p> <p>8.1.4. <i>Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;</i></p> <p>8.1.5. <i>Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;</i></p> <p>8.1.6. <i>Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;</i></p> <p>8.1.7. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>8.1.8. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;</p> <p>8.1.9. <i>Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;</i></p> <p>8.2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán của Công ty</p> <p>8.2.1. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;</p> <p>8.2.2. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>8.2.3. Không được đồng thời làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;</p> <p>8.2.4. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại Công ty;</p> <p>8.2.5. <i>Khi thực hiện các hoạt động giao dịch trên tài khoản khách hàng, người hành nghề chứng khoán là đại diện cho Công ty và thực hiện với tư cách Công ty. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản;</i></p> <p>8.3. <i>Quy định đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Tổng Giám đốc.</i></p> <p>8.3.1. <i>Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không được đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng thành Viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của Công ty Chứng khoán khác;</i></p> <p>8.3.2. <i>Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là Thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của Công ty Chứng khoán khác;</i></p> <p>8.3.3. <i>Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho Công ty Chứng khoán, Công ty Quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty Chứng khoán khác;</i></p> <p>8.4. <i>Các quy định cấm và hạn chế khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.</i></p>
--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

10	<b>Điều 10. Các quy định về Kiểm soát nội bộ</b>	<i>Điều 10 điều lệ hiện hành này được chuyển xuống thành một khoản của Điều 43 Bộ phận Kiểm soát nội bộ DLL7.</i>
11	<p><b>Điều 11. Các quy định về bảo mật thông tin</b></p> <p>11.1 Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.</p> <p>11.2 Quy định tại khoản 11.1 Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>11.2.1 Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>11.2.2 Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ;</p> <p>11.2.3 Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</p>	<i>Bỏ Điều 11 điều lệ hiện hành vì đã được quy định tại Khoản 7.2.4.10 của DLL7.</i>

12	<p><b>Điều 12. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp</b></p> <p>12.1 Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong Công ty. Tổng Giám đốc ban hành Nội quy của Công ty, chi tiết hoá nội dung của Bộ Quy tắc Đạo đức nghề nghiệp này.</p> <p>12.2 Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt Bộ Quy tắc này.</p> <p>12.3 Bộ phận Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của Lãnh đạo và nhân viên Công ty.</p>	<p><i>Bỏ Điều 12 của điều lệ hiện hành vì đã được quy định tại Khoản 7.2.1.9 của ĐLL7, đồng thời hiện tại Công ty đã ban hành bộ quy tắc đạo đức nghề trong đó đã quy định đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 12 của điều lệ hiện hành</i></p>
<p><b>Chương IV</b></p>	<p><b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG</b></p>	<p><b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG</b></p>
13	<p><b>Điều 13. Vốn điều lệ</b></p> <p>13.1 Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 (Bảy trăm hai mươi hai tỷ ba trăm ba mươi chín triệu ba trăm bảy mươi nghìn) đồng Việt Nam.</p> <p>13.2 Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 72.233.937 (Bảy mươi hai triệu hai trăm ba mươi ba nghìn chín trăm ba mươi bảy) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/01cổ phần.</p> <p>13.3 Công ty phải luôn duy trì mức vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định theo qui định của Pháp luật. Trường hợp vốn điều lệ thấp hơn vốn pháp định, Công ty tiến hành bổ sung vốn điều lệ của Công ty phù hợp với</p>	<p><b>Điều 9. Vốn điều lệ</b></p> <p><i>Giữ nguyên như điều lệ hiện hành</i></p>

	quy định của pháp luật.	
14	<p><b>Điều 14. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ</b></p> <p>14.1 Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty phải được thực hiện phù hợp với các quy định của Pháp luật .</p> <p>14.2 Công ty có thể tăng vốn điều lệ thông qua quyết định của ĐHCĐ và phù hợp với các quy định của UBCKNN khi:</p> <p><i>14.2.1 Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh; hoặc</i></p> <p><i>14.2.2 Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và phương án huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thực hiện được.</i></p> <p>14.3 Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau :</p> <p><i>14.3.1 Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của Pháp luật ;</i></p> <p><i>14.3.2 Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;</i></p> <p><i>14.3.3 Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu;</i></p> <p><i>14.3.4 Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ.</i></p> <p>14.4 Việc giảm vốn điều lệ của Công ty do ĐHCĐ quyết định nhưng vẫn đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định của Pháp luật .</p> <p>14.5 Sau khi tăng, hoặc giảm Vốn Điều lệ, Công ty phải đăng ký vốn điều lệ mới với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và công bố vốn điều lệ mới của Công ty theo quy định của Pháp luật .</p> <p>14.6 Công ty không sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối</p>	<p><b>Điều 10. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ</b></p> <p><b>Sửa đổi như sau:</b></p> <p>10.1. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty phải được thực hiện phù hợp với các quy định của Pháp luật .</p> <p><i>10.2. Cách thức tăng vốn điều lệ của Công ty</i></p> <p><i>10.1.1. Phát hành cổ phiếu mới để tăng vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Pháp luật có liên quan, bao gồm cả hình thức chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa chủ nợ và Công ty;</i></p> <p><i>10.1.2. Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần theo quy định của Pháp luật;</i></p> <p><i>10.1.3. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn, lợi nhuận để lại và các nguồn hợp lệ khác để bổ sung tăng vốn điều lệ. Công ty được sử dụng nguồn thặng dư vốn do chênh lệch giữa giá bán và giá vốn mua vào của cổ phiếu quỹ để bổ sung tăng vốn điều lệ sau khi đã bán hết cổ phiếu quỹ. Công ty được sử dụng nguồn thặng dư vốn do chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của cổ phiếu phát hành để bổ sung tăng vốn điều lệ sau một năm kể từ thời điểm kết thúc đợt phát hành.</i></p> <p><i>10.3. Cách thức giảm vốn điều lệ của Công ty</i></p> <p><i>10.1.4. Công ty được mua lại cổ phần, phần vốn góp của các cổ đông để giảm vốn điều lệ theo đúng các quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.</i></p> <p><i>10.1.5. Việc giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp</i></p>



	<p>hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông của Công ty dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản.</p> <p>14.7. Công ty có quyền phát hành các loại cổ phiếu và các quyền kèm theo cổ phiếu để huy động vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của từng cổ đông tại thời điểm phát hành. Công ty phải thông báo việc chào bán, nêu rõ số lượng cổ phần chào bán, giá chào bán, thời hạn chào bán và các điều kiện chào bán khác để cổ đông đặt mua. Hội đồng Quản trị Công ty sẽ quyết định phương án phân phối nốt số lượng cổ phần chưa chào bán hết sau khi phân phối cho các cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối hoặc trao quyền mua số lượng cổ phần chưa phân phối hết cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy phù hợp, miễn là số lượng cổ phần đó không được bán cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện ưu tiên hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ khi các cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua SGDCK.</p>	<p><i>định sau khi giám vốn theo quy định.</i></p> <p>10.4. <i>Sau khi hoàn tất việc thực hiện tăng vốn điều lệ; hoặc mua lại cổ phiếu, phần vốn góp để giảm vốn điều lệ, Công ty thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.</i></p>
15	<p><b>Điều 15. Chứng chỉ cổ phiếu và các chứng khoán khác</b></p> <p><b>15.1 Chứng chỉ cổ phiếu :</b></p> <p><i>15.1.1</i> Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Điểm 15.1.7, Khoản này. Cổ phiếu do Công ty phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu cổ phần của cổ đông trừ trường hợp Pháp luật quy định khác.</p>	<p><b>Điều 12 Chứng chỉ cổ phiếu và các chứng khoán khác</b></p> <p><b><i>Giữ nguyên như điều lệ hiện hành</i></b></p>

15.1.2 Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

15.1.3 Trong thời hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

15.1.4 Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

15.1.5 Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

15.1.6 Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ

	<p>này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</p> <p>15.1.7 Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng Quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng Quản trị ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</p> <p>15.2 Chứng chỉ chứng khoán khác: Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	
16	<p><b>Điều 16. Cổ đông của Công ty</b></p> <p>16.1 Quyền sở hữu cổ phần và mọi quyền lợi hợp pháp của các cổ đông được Pháp luật bảo vệ.</p> <p>16.2 Cổ đông sáng lập của Công ty là Tập đoàn Bảo Việt có trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, số cổ phần của Công ty mà Tập đoàn Bảo Việt nắm giữ là 43.281.193 cổ phần, tương ứng với 59,92 % Vốn Điều lệ của Công ty.</p>	<p><b>Điều 15. Cổ đông của Công ty</b></p> <p><i>Chuyển Khoản 16.3, Điều lệ hiện hành Người đại diện cổ đông và người được cử làm đại diện xuống Điều 22 của DLL7, các quy định khác giữ nguyên như điều lệ hiện hành.</i></p>

	<p>16.3 Người đại diện cổ đông và người được cử làm đại diện:</p> <p>16.3.1 Người đại diện cho cổ đông cá nhân là chính cổ đông đó, người đại diện theo Pháp luật hoặc theo uỷ quyền bằng văn bản của cổ đông đó;</p> <p>16.3.2 Người đại diện cho nhóm cổ đông là người được nhóm cổ đông đó uỷ quyền bằng văn bản;</p> <p>16.3.3 Người đại diện cho cổ đông tổ chức là người đại diện theo Pháp luật của tổ chức hoặc người được người đại diện theo Pháp luật của tổ chức đó uỷ quyền;</p> <p>16.3.4 Cổ đông muốn thay đổi người đại diện, phải có thông báo bằng văn bản gửi Hội đồng Quản trị Công ty kèm theo giấy uỷ quyền mới.</p> <p>16.4 Sau khi được chuyển quyền sở hữu hoặc thừa kế cổ phần hợp pháp và hoàn thành thủ tục đăng ký cổ phần với Công ty thì người nắm giữ cổ phần được chuyển nhượng đó mới được công nhận là cổ đông chính thức của Công ty.</p> <p>16.5 Việc không thanh toán được các khoản nợ, phạm tội hay chết, chấm dứt hoạt động của các cổ đông không ảnh hưởng đến các hoạt động của Công ty.</p> <p>16.6 Tổng số cổ phần nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty không vượt quá tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Pháp luật hiện hành.</p>	
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

<p><b>Điều 17. Hạn chế đối với quyền của cổ đông sáng lập của Công ty</b></p> <p>17.1 Cổ đông sáng lập của Công ty không được chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp của mình trong thời hạn (03) ba năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty. Các cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cũng phải tuân thủ các hạn chế tại điều này.</p> <p>17.2 Cổ đông sáng lập không được trích lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.</p>	<p><b>Điều 16. Hạn chế đối với quyền của cổ đông sáng lập của Công ty</b></p> <p><b>Sửa đổi như sau:</b></p> <p><i>Cổ đông sáng lập của Công ty không được chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp của mình trong thời hạn (03) ba năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty.</i></p>
<p><b>Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông</b></p> <p>18.1 Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>18.2 Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu như sau :</p> <p>18.2.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</p> <p>18.2.2 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với thành viên, cổ đông là pháp nhân;</p>	<p><b>Điều 17. Sổ đăng ký cổ đông</b></p> <p><b>Giữ nguyên như điều lệ hiện hành và bổ sung thêm quy định:</b></p> <p><i>17.5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ Sổ Đăng ký và đảm bảo tính chính xác của Sổ Đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện. Trường hợp có sự khác biệt giữa dữ liệu trên Sổ Đăng ký lưu giữ tại Công ty với dữ liệu đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán thì dữ liệu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán lưu trữ sẽ có hiệu lực.</i></p>

	<p>18.2.3 Giá trị vốn góp tại thời điểm góp vốn và phần vốn góp của từng thành viên, thời điểm góp vốn; số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;</p> <p>18.2.4 Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>18.2.5 Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.</p> <p>18.3 Hình thức sổ đăng ký cổ đông của Công ty là tập dữ liệu điện tử.</p> <p>18.4 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và Trục sở chính.</p>	
19	<p><b>Điều 19. Quyền của cổ đông</b></p> <p><b>19.1</b> Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p><b>19.2</b> Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau :</p> <p><i>19.2.1</i> Tham dự ĐHĐCĐ để thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; Ứng cử, đề cử và bỏ phiếu bầu, miễn nhiệm các chức danh: thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và phù hợp với các quy định của Pháp luật, số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu hoặc đại diện;</p>	<p><b>Điều 18. Quyền của cổ đông</b></p> <p><b><i>Sửa đổi và bổ sung như sau:</i></b></p> <p>18.1. Quyền của cổ đông phổ thông bao gồm các quyền sau:</p> <p>18.1.1. Quyền biểu quyết:</p> <p>18.1.1.1. Cổ đông có thể tham gia vào quá trình ra quyết định của Công ty thông qua quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>18.1.1.2. Quyền biểu quyết có thể được thực hiện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Đại diện được ủy quyền được phép hành động nhân danh cổ đông đưa ra các quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty không được ngăn cản cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải tạo điều kiện</p>

<p>19.2.2 Được nhận cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định của Pháp luật;</p> <p>19.2.3 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty hoặc khi có sự chuyển nhượng mua bán cổ phần giữa các cổ đông;</p> <p>19.2.4 Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông trừ trường hợp quy định tại Khoản 17.1 Điều 17 của Điều lệ này;</p> <p>19.2.5 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>19.2.6 Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>19.2.7 Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty theo quy định của Pháp luật và quy định của Điều lệ này;</p> <p>19.2.8 Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất;</p> <p>19.2.9 Được cử người đại diện hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho</p>	<p>cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khi có yêu cầu. Mọi cá nhân đều có thể là người đại diện, miễn là được uỷ quyền hợp lệ và không thuộc trường hợp Pháp luật có quy định hạn chế. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và không cần phải công chứng.</p> <p>18.1.1.3. Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp ĐHĐCĐ tùy theo điều kiện công nghệ thông tin có thể cho phép của Công ty.</p> <p>18.1.1.4. Cổ phần phổ thông không có quyền biểu quyết trong một số trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Không thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần;</li> <li>Cổ phiếu quỹ;</li> <li>Thông qua giao dịch với các bên có liên quan: nếu cổ phần phổ thông do cổ đông là người có liên quan của Công ty sở hữu, cổ đông sẽ không có quyền biểu quyết thông qua các giao dịch của Công ty với bên liên quan mà cổ đông là một bên trực tiếp hoặc gián tiếp có lợi ích trong đó;</li> <li>Cổ phần có được do vi phạm các quy định về mua cổ phiếu trong các giao dịch nắm quyền kiểm soát, vi phạm các quy định bắt buộc về chào mua công khai;</li> <li>Khi ĐHĐCĐ quyết định các nội dung như hủy bỏ, giảm</li> </ol>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p>người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>19.2.10 Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 90 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>19.2.11 Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p><b>19.3</b> Ngoài các quyền quy định tại Điểm 19.2 trên đây, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên (05%) năm phần trăm tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất (06) sáu tháng có các quyền sau:</p> <p>19.3.1 Đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 36.4 Điều 36 và Khoản 44.3 Điều 44 Điều lệ này;</p> <p>19.3.2 Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;</p> <p>19.3.3 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>19.3.4 Kiến nghị bằng văn bản về các hoạt động quản trị và/hoặc điều hành của Công ty;</p> <p>19.3.5 Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; Phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông,</p>	<p><i>bớt các nghĩa vụ của cổ đông đối với Công ty; khởi xướng hoặc hủy bỏ một vụ kiện đối với cổ đông; cổ đông liên quan không có quyền biểu quyết để quyết định các nội dung này.</i></p> <p>18.1.2. <i>Quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</i></p> <p>18.1.2.1. <i>Trong trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ vi phạm Pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông, cổ đông có quyền đề nghị Công ty không thực hiện các nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục Pháp luật quy định.</i></p> <p>18.1.2.2. <i>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản Kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p>a. <i>Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty;</i></p> <p>b. <i>Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty.</i></p> <p>18.1.3. <i>Quyền được nhận các thông tin về Công ty và quyền xem xét, tra cứu danh sách cổ đông; yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng nội dung cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty:</i></p> <p>18.1.3.1. <i>Tất cả cổ đông của Công ty đều có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông</i></p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



	<p>tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; Vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp việc kiểm tra không phát hiện vi phạm, chi phí kiểm tra do Cổ đông đó tự trang trải.</p>	<p>có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của Công ty, Sổ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>18.1.3.2. Chỉ có nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông được quyền xem xét và trích lục Sổ Biên bản họp và các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị, Báo cáo Tài chính giữa niên độ và hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát và yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng nội dung cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.</p> <p>18.1.3.3. Cổ đông có quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và bất thường về hoạt động của Công ty theo quy chế quản trị áp dụng cho công ty niêm yết.</p> <p>18.1.4. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần:</p> <p>Trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán cổ đông phổ thông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình tại bất kỳ thời điểm nào với bất kỳ mức giá nào mà không cần có sự chấp thuận của cơ quan quản lý, Công ty hoặc các cổ đông khác.</p> <p>18.1.5. Quyền được ưu tiên mua chứng khoán:</p> <p>18.1.5.1. Cổ đông có quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán hoặc chứng khoán chuyển đổi trước khi Công ty chào bán cho bên thứ ba. Quyền được ưu tiên mua tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà cổ đông đang</p>
--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>sở hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>18.1.5.2. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua chứng khoán của mình cho người khác hoặc có thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần quyền được ưu tiên mua chứng khoán.</p> <p>18.1.6. Quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần theo như quy định tại Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>18.1.7. Quyền được nhận tài sản khi thanh lý Công ty</p> <p>18.1.7.1. Nếu Công ty giải thể hoặc phá sản, cổ đông có quyền được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ của số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán đầy đủ cho các chủ nợ.</p> <p>18.1.7.2. Thứ tự thanh toán các khoản nợ và phân chia tài sản còn lại cho các cổ đông thực hiện theo quy định của Pháp luật .</p> <p><i>18.1.8. Quyền khởi kiện nhân danh Công ty</i></p> <p><i>18.1.8.1. Cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ nếu Nghị quyết/Quyết định đó trái với quy định của Điều lệ này và Pháp luật .</i></p> <p><i>18.1.8.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ một phần trăm (01%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:</i></p>
--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>a. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời Nghị quyết/Quyết định/Thông báo của Hội đồng quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty hoặc Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Các trường hợp khác do Công ty tự quy định phù hợp với Điều lệ này và với quy định của Pháp luật .</p> <p>18.1.8.3. Trường hợp Ban Kiểm soát không khởi kiện theo yêu cầu thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu khởi kiện có quyền trực tiếp khởi kiện Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục khởi kiện được thực hiện theo quy định của Pháp luật về tố tụng dân sự.</p> <p>18.1.9. Quyền được nhận cổ tức: Mức chi trả cổ tức, hình thức trả cổ tức cho cổ đông do ĐHĐCĐ quyết định.</p> <p>18.1.10. Quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:</p>
--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>18.1.10.1. Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.</p> <p>18.1.10.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà chưa bầu được Hội đồng Quản trị mới thay thế.</p> <p>18.1.10.3. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật</p> <p>18.1.11. Quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát:</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định Điều 27 của Điều lệ này.</p> <p>18.1.12. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật .</p> <p>18.2. <i>Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết</i></p> <p>18.2.1. <i>Biểu quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHDCĐ với số phiếu biểu quyết theo quy định đối với cổ phần ưu đãi biểu quyết.</i></p> <p>18.2.2. <i>Các quyền khác như cổ đông phổ thông, ngoại trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác.</i></p> <p>18.3. <i>Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức:</i></p> <p>18.3.1. <i>Nhận cổ tức theo quy định áp dụng đối với cổ phần ưu đãi cổ tức.</i></p> <p>18.3.2. <i>Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần</i></p>
--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p><i>góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và cổ phần ưu đãi hoàn lại.</i></p> <p><i>18.3.3. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.</i></p> <p><i>18.4. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại:</i></p> <p><i>18.4.1. Được Công ty hoàn lại vốn góp theo quy định đối với cổ phần ưu đãi hoàn lại.</i></p> <p><i>18.4.2. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ.</i></p> <p><i>18.4.3. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.</i></p>
20	<p><b>Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>20.1 Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông :</p> <p>20.1.1 Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Quy chế của Công ty; Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và Hội đồng Quản trị;</p> <p>20.1.2 Thanh toán đủ tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;</p> <p>20.1.3 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</p> <p>20.1.4 Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</p>	<p><b>Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p><b><i>Ngoài các điều khoản được giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này bổ sung thêm quy định:</i></b></p> <p><i>19.4. Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ của Công ty thì cổ đông đó và người có liên quan không được sở hữu trên năm phần trăm (5%) cổ phần hoặc phần vốn góp của một Công ty Chứng khoán khác; không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác.</i></p> <p><i>19.5. Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ của Công ty phải thông báo đầy đủ cho Công ty trong</i></p>

	<p>20.1.5 Bảo vệ tài sản, uy tín Công ty, giữ bí mật các hoạt động nghiệp vụ của Công ty;</p> <p>20.1.6 Chịu rủi ro về thua lỗ và chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty (nếu có) tương ứng với phần vốn góp vào Công ty.</p> <p>20.1.7 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện các hành vi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vi phạm pháp luật;</li> <li>- Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác;</li> <li>- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;</li> </ul> <p>20.2 Ngoài các nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Khoản 20.1 Điều này, cổ đông sở hữu từ (05%) năm phần trăm trở lên số cổ phần của Công ty được gọi là cổ đông lớn và trong thời hạn (07) bảy ngày kể từ ngày trở thành cổ đông lớn phải báo cáo Công ty, UBCKNN và SGDCK nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.</p> <p>20.3</p>	<p><i>vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi nhận được thông tin, đối với các trường hợp sau:</i></p> <p><i>19.5.1. Số cổ phần bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của tòa án;</i></p> <p><i>19.5.2. Cổ đông, Thành viên là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản.</i></p>
	<p><b>Điều 21. Cổ phần, cổ phiếu, phát hành cổ phiếu của Công ty</b></p> <p>21.1 Hình thức cổ phiếu:</p> <p>Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty đều là cổ phần phổ thông. Nếu được ĐHCĐ chấp thuận, Hội đồng Quản trị có quyền quyết định việc Công ty có cổ phần ưu đãi.</p>	<p><b>Điều 11. Cổ phần, cổ phiếu, phát hành cổ phiếu của Công ty</b></p> <p><b><i>Sửa đổi và bổ sung như sau:</i></b></p> <p><i>11.1. Hình thức cổ phần</i></p> <p><i>Tất cả các cổ phần được Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội</i></p>

	<p>21.2 Phát hành cổ phiếu:</p> <p>Công ty được phát hành cổ phiếu và việc phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.</p> <p>21.3 Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu (20) hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp ĐHĐCĐ chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua SGDCK.</p> <p>21.4 Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>21.5 Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi</p>	<p><i>đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.</i></p> <p>11.2. <i>Phát hành cổ phiếu</i></p> <p><i>Công ty được phát hành cổ phiếu và việc phát hành cổ phiếu được thực hiện theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.</i></p> <p>11.3. <i>Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.</i></p>
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	<p>được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
	<p><b>Điều 22. Chào bán và chuyển nhượng, thu hồi cổ phần của Công ty</b></p> <p>22.1 Chào bán cổ phần:</p> <p>22.1.1 Công ty được chào bán cổ phiếu ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán;</p> <p>22.1.2 Công ty phải đăng ký với UBCKNN khi thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng;</p> <p>22.1.3 Phương thức, thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.</p> <p>22.2 Chuyển nhượng cổ phần:</p> <p>Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp sau:</p> <p>22.2.1 Cổ phần ưu đãi biểu quyết (nếu có);</p> <p>22.2.2 Cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty quy định tại Khoản 17.1, Điều 17 của Điều lệ này;</p> <p>22.2.3 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ, không được chuyển nhượng và không được hưởng cổ tức.</p> <p>Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên</p>	<p><b>Điều 13. Chuyển nhượng và thu hồi cổ phần của Công ty</b></p> <p><i>Bổ quy định về chào bán cổ phần, các quy định khác giữ nguyên như điều lệ hiện hành.</i></p> <p>13.1. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>13.1.1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên SGDCCK được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>13.1.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p> <p>13.2. Thu hồi cổ phần</p> <p>13.2.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.</p> <p>13.2.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ: Thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là (07) bảy ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo); Địa điểm thanh toán và phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p>



<p>nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký.</p> <p>Cổ phiếu niêm yết trên SGDCK sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của SGDCK.</p> <p>22.3 Thu hồi cổ phần :</p> <p>22.3.1 Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.</p> <p>22.3.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ: Thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là (07) bảy ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo); Địa điểm thanh toán và phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>22.3.3 Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện: Không thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan theo thời hạn quy định, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Điểm 22.3.4, 22.3.5 và 22.3.6, Khoản này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</p> <p>22.3.4 Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức</p>	<p>13.2.3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>13.2.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>13.2.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó cùng với việc thu hồi số cổ phần không thanh toán tương ứng.</p> <p>13.2.6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	<p>mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>22.3.5 Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p> <p>22.3.6 Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	
23	<p><b>Điều 23. Mua lại cổ phần</b></p> <p>23.1 Mua lại theo yêu cầu của cổ đông :</p> <p>Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định về việc tổ chức lại Công ty của ĐHĐCĐ hoặc quyết định thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn (10) mười ngày làm việc, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>23.2 Mua lại theo quyết định của Công ty :</p> <p>Công ty có quyền chào mua lại cổ phần do mình phát hành. Khi mua lại cổ phiếu của chính mình, Công ty phải</p>	<p><b>Điều 14. Mua lại cổ phần và cổ phiếu quỹ</b></p> <p><i>Ngoài các điều khoản giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này bổ sung thêm quy định về cổ phiếu quỹ, cụ thể:</i></p> <p>14.3. <i>Cổ phiếu quỹ</i></p> <p>14.3.1. <i>Trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng hoặc mua sửa lỗi theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Công ty được mua lại không quá mười phần trăm (10%) số cổ phần phổ thông đã phát hành làm cổ phiếu quỹ.</i></p> <p>14.3.2. <i>Công ty chỉ được dùng nguồn lợi nhuận để lại, thặng dư vốn và các nguồn khác (không bao gồm quỹ dự phòng tài chính) theo quy định của Pháp luật để mua cổ phiếu quỹ. Sau khi mua cổ phiếu quỹ, Công ty phải đảm bảo vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng vốn pháp định theo quy định của</i></p>

	<p>công khai thông tin về việc mua lại (07) bảy ngày trước khi thực hiện mua lại.</p> <p>23.3 Điều kiện thanh toán cổ phần được mua lại:</p> <p>Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p>	<p><i>Pháp luật .</i></p> <p><i>14.3.3. Việc mua hoặc bán cổ phiếu quỹ phải được Hội đồng Quản trị của công ty thông qua.</i></p> <p><i>14.3.4. Trình tự, thủ tục và hồ sơ về việc mua hoặc bán cổ phiếu quỹ được thực hiện theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật .</i></p> <p><i>14.3.5. Công ty không được mua cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật để làm cổ phiếu quỹ:</i></p> <p><i>14.3.6. Trường hợp Công ty bán cổ phiếu quỹ có ưu đãi cho các cổ đông lớn, người quản lý công ty và người liên quan theo quy định của Pháp luật thì phải được ĐHĐCĐ thông qua, các đối tượng có lợi ích liên quan không được tham gia biểu quyết</i></p>
	<p><b>Điều 24. Phát hành trái phiếu</b></p> <p><b>24.1</b> Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>24.2</b> Hội đồng Quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, và thời điểm phát hành với điều kiện Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.</p> <p><b>24.3</b> Trường hợp không được quyền phát hành trái phiếu:</p> <p><i>24.3.1</i> Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp</p>	<p><b>Điều 20. Phát hành trái phiếu</b></p> <p><b><i>Ngoài các quy định khác được giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này sửa đổi như sau:</i></b></p> <p><i>20.2. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, và thời điểm phát hành với điều kiện Hội đồng Quản trị phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất. Đối với trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành phải được ĐHĐCĐ thông qua.</i></p> <p>20.3. Trường hợp không được phát hành trái phiếu</p> <p>20.3.1. Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ</p>

	<p>trước đó;</p> <p>24.3.2 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của Công ty trong ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành;</p> <p>24.4 Công ty thừa nhận quyền chuyên nhượng và thừa kế của các chủ nợ đối với trái phiếu của Công ty. Việc chuyển nhượng, thừa kế tuân theo quy định của Pháp luật.</p>	<p>các khoản nợ đến hạn trong ba (03) năm liên tiếp trước đó;</p> <p>20.3.2. Tỷ suất lợi nhuận <i>trước thuế trên vốn điều lệ</i> bình quân của Công ty trong ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành;</p>
<b>Chương IV</b>	<b>ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>
25	<p><b>Điều 25. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>25.1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>25.2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>25.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>25.3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công</p>	<p><i>Bỏ điều này vì trùng với Điều 21 và Điều 23 của DLL7.</i></p>

<p>ty;</p> <p>25.3.2. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;</p> <p>25.3.3. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định, hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>25.3.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 19.3, Điều 19 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>25.3.5. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp, hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>25.3.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>25.4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:</p> <p>25.4.1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn (30) ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Khoản 25.3.3 Điều này, hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 25.3.4 và Khoản 25.3.5 Điều này.</p> <p>25.4.2. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp</p>	
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

	<p>ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 25.4.1 Điều này, thì trong thời hạn (30) ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>25.4.3. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 25.4.2 Điều này, thì trong thời hạn (30) ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 25.3.4 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>25.4.4. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
26	<p><b>Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ</b></p> <p>26.1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>26.1.1. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p> <p>26.1.2. Báo cáo của Ban Kiểm soát;</p> <p>26.1.3. Báo cáo của Hội đồng Quản trị;</p> <p>26.1.4. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>26.2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p>	<p><b>Điều 21. Thẩm quyền ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>Bỏ Khoản 26.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây vì nội dung này đã được quy định tại Điểm 18.1.4, Khoản 18.1, Điều 18 Quyền của cổ đông và Điều 68 Các giao dịch phải được chấp thuận của ĐLL7, các điều khoản còn lại được giữ nguyên như điều lệ hiện hành.</i></p>

<p>26.2.1. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>26.2.2. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>26.2.3. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;</p> <p>26.2.4. Lựa chọn Công ty kiểm toán;</p> <p>26.2.5. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>26.2.6. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị;</p> <p>26.2.7. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>26.2.8. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng (03) ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p> <p>26.2.9. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>26.2.10. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>26.2.11. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>26.2.12. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty, hoặc Chi nhánh, hoặc giao dịch mua có giá trị từ (50%) năm</p>	
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

	<p>mười phần trăm trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>26.2.13. Công ty mua lại trên (10%) mười phần trăm một loại cổ phần phát hành;</p> <p>26.2.14. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị;</p> <p>26.2.15. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn (20%) hai mươi phần trăm tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>26.2.16. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các Quy chế khác của Công ty;</p> <p>26.3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>26.3.1. Các hợp đồng quy định tại Khoản 26.2.15 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>26.3.2. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.</p> <p>26.3.3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
27	<p><b>Điều 27. Các đại diện được ủy quyền</b></p> <p>27.1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHCĐ theo luật pháp có</p>	<p><b>Điều 22. Đại diện được ủy quyền</b></p> <p><i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều</i></p>



<p>thể trực tiếp tham dự, hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p> <p>27.2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo Mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>27.2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>27.2.2. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>27.2.3. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>27.3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư, hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>27.4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 27.3 Điều 27 này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong</p>	<p><b><i>Khoản này bổ sung thêm các quy định về Người đại diện thực hiện các quyền của cổ đông, cụ thể:</i></b></p> <p>22.1. <i>Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật. Tổ chức là cổ đông có sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba (03) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>22.2. <i>Trường hợp cổ đông cử hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</i></p> <p>22.3. <i>Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty. Nội dung và thời hạn thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</i></p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	<p>các trường hợp sau đây:</p> <p>27.4.1. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>27.4.2. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;</p> <p>27.4.3. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên (48) bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
28	<p><b>Điều 28. Thay đổi quyền</b></p> <p>28.1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Khoản 26.2.8, Điều 26 Điều lệ này liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất (75%) bảy mươi lăm phần trăm quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</p> <p>28.2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi</p>	<p><b>Bổ quy định này</b></p>

<p>người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.</p> <p>28.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 30 và Điều 32 Điều lệ này.</p> <p>28.4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát thêm các cổ phần cùng loại.</p>	
<p><b>Điều 29. Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ</b></p> <p>29.1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm 25.4.2 hoặc Điểm 25.4.3, Khoản 25.4 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>29.2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>29.2.1. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng (30) ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; Chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>29.2.2. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;</p> <p>29.2.3. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các</p>	<p><i>Các quy định tại Điều 29 điều lệ hiện hành được giữ nguyên và tách thành 02 điều 23 và điều 24 của dự thảo điều lệ sửa đổi. cụ thể:</i></p> <p><b>Điều 23 Triệu tập họp ĐHĐCĐ</b></p> <p>Nội dung của điều này điều chỉnh các vấn đề sau:</p> <p><i>23.1. Số lượng, thời gian, cách thức tổ chức, địa điểm họp;</i></p> <p><i>23.2. Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ;</i></p> <p><i>23.3. Các trường hợp phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường;</i></p> <p><i>23.4. Thời hạn triệu tập ĐHĐCĐ bất thường.</i></p> <p><b>Điều 24. Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ</b></p> <p>Điều này điều chỉnh các nội dung sau:</p> <p><i>24.1. Các nội dung được ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và</i></p>

	<p>cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>29.3. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của SGDCK, trên website của Công ty, (01) một tờ báo Trung ương, hoặc (01) một tờ báo địa phương nơi Công ty đóng Trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi trước ít nhất (15) mười lăm ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi, hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí, hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p> <p>29.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 19.3 Điều 19 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải</p>	<p><i>thông qua;</i></p> <p>24.2. <i>Quy định về trách nhiệm của Người triệu tập họp ĐHĐCĐ và về nội dung của Thông báo họp ĐHĐCĐ, cách thức gửi thông báo và thực hiện việc công bố thông tin.</i></p> <p>24.3. <i>Quy định về: 1) Điều kiện cổ đông, nhóm cổ đông có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ, hình thức, thời gian và nội dung của các đề xuất này; 2) Quy định về Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối nhận đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ.</i></p> <p>24.4. <i>Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng nội dung trong chương trình họp.</i></p>
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất (03) ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

29.5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 29.4 Điều 29 này trong các trường hợp sau:

29.5.1. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

29.5.2. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ trên (05%) năm phần trăm tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất (06) sáu tháng;

29.5.3. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua.

29.6. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

29.7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

<p><b>Điều 30. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</b></p> <p>30.1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất (65%) sáu mươi lăm phần trăm cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>30.2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng (30) ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng (30) ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần Thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất (51%) năm mươi một phần trăm cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>30.3. Trường hợp Đại hội lần Thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng (30) ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, ĐHĐCĐ lần Thứ ba có thể được triệu tập trong vòng (20) hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần Thứ hai, và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần Thứ nhất có thể phê chuẩn.</p> <p>30.4. Theo đề nghị của Chủ tọa, ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 29.3, Điều 29 Điều lệ này.</p>	<p><b>Điều 25. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này bổ sung thêm quy định các hình thức tham dự ĐHĐCĐ:</i></p> <p>25.4. <i>Cổ đông có thể tham dự ĐHĐCĐ theo một trong các hình thức sau đây:</i></p> <p>25.4.1. <i>Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>25.4.2. <i>Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng ban kiểm phiếu của ĐHĐCĐ có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>25.4.3. <i>Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 96 của Luật Doanh nghiệp và Điều 22 của Điều lệ này thì được phép uỷ quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p>25.4.4. <i>Tham dự họp ĐHĐCĐ từ xa qua mạng, qua điện thoại, qua gửi văn bản đến trước khi ĐHĐCĐ khai mạc hoặc các hình thức khác nếu điều kiện công nghệ thông tin của Công ty cho phép và theo quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.</i></p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**Điều 31. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ**

- 31.1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 31.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số Thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số Thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá (05) năm người.
- 31.3. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- 31.4. ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, hoặc là người được ĐHĐCĐ bầu

**Điều 26. Thẻ thức tiến hành họp ĐHĐCĐ**

*Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này bổ sung thêm quy định:*

- 26.2.** *Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định thời gian của cuộc họp cho tất cả các nội dung trong chương trình họp.*

ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên Hội đồng Quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu ra đề cử một Thư ký để lập Biên bản Đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

31.5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

31.6. Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá (03) ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

31.7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại Khoản 31.6 Điều 31, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và



	<p>hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p> <p>31.8. Chủ tọa của Đại hội, hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của các cổ đông đại diện cho đa số cổ phần tham dự.</p> <p>31.9. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p> <p>31.10. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>31.10.1. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>31.10.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;</p> <p>31.10.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.</p> <p>Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

	<p>31.11. Trong trường hợp tại ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm Đại hội có thể:</p> <p>31.11.1. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);</p> <p>31.11.2. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;</p> <p>31.11.3. Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>31.12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty phải tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất (01) một lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	
32	<p><b><i>ĐLL6 không quy định cụ thể thành một điều mà quy định rải rác tại các Khoản 36.4, Điều 36 và Khoản 44.3, Điều 44.</i></b></p>	<p><b>Điều 27. Bầu dồn phiếu</b></p> <p><b><i>Điều khoản này sửa đổi và bổ sung như sau:</i></b></p> <p>27.1. <i>Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử và dồn phiếu bầu cho người họ đề cử.</i></p> <p>27.2. <i>Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:</i></p>

- 27.2.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị và một (01) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- 27.2.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị và hai (02) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- 27.2.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ ba mươi phần trăm (30%) đến bốn mươi phần trăm (40%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị và ba (03) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- 27.2.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ trên bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị và bốn (04) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- 27.2.5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử đủ số ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;

		<p>27.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử.</p> <p>27.4. Người trúng cử Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc Điều lệ của Công ty.</p>
	<p><b>Điều 32. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</b></p> <p>32.1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 32.2 Điều 32 này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>32.1.1. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>32.1.2. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty</p> <p>32.1.3. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p>	<p><b>Điều 29. Thông qua Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này bổ sung thêm quy định:</i></p> <p>29.4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng quy định.</p> <p>29.5. Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan, không có quyền biểu quyết thì Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ về nội dung đó được thông qua tương ứng theo quy định tại các Điểm a và b Khoản 3 Điều 104 Luật</p>

	<p>32.2. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; giao dịch bán tài sản Công ty, hoặc Chi nhánh, hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ (50%) năm mươi phần trăm trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ (75%) bảy mươi lăm phần trăm trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>32.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p>	<p><i>Doanh nghiệp.</i></p>
<p><b>Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</b></p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>33.1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p>		<p><b>Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này sửa đổi và bổ sung thêm quy định:</i></p> <p>28.2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức thư</p>

<p>33.2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;</p> <p>33.3. <b>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</b></p> <p>33.3.1. Tên, địa chỉ Trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</p> <p>33.3.2. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>33.3.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>33.3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>33.3.5. Phương án biểu quyết bao gồm: Tán thành; Không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>33.3.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>33.3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>33.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p>	<p>bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. <i>Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</i></p> <p>28.7. <i>Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</i></p> <p>28.9. <i>Nghị quyết/Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

33.5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

33.5.1. Tên, địa chỉ Trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

33.5.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

33.5.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

33.5.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

33.5.5. Các quyết định đã được thông qua;

33.5.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; Liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính

	<p>xác;</p> <p>33.6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn (15) mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</p> <p>33.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty;</p> <p>33.8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
	<p><b>Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các Biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn (15) mười lăm ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng (90) chín mươi ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.</p>	<p><b>Điều 30. Biên bản của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><i>Sửa đổi như sau:</i></p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các Biên bản Đại hội đồng cổ đông. <i>Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) sau khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc.</i> Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung <i>Biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi công bố trên website Công ty.</i> Bản chính thức của Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, Biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty</p>



36	<p><b>Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn (90) chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án, hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>35.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>35.2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p>	<p><b>Điều 31. Hiệu lực quyết định của ĐHĐCĐ</b></p> <p><i>Sửa đổi và bổ sung như sau:</i></p> <p>31.1. Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua Nghị quyết/Quyết định hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết/Quyết định.</p> <p>31.2. Trường hợp Nghị quyết/Quyết định đã được thông qua của ĐHCĐ bị cổ đông, nhóm cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện thì quyết định này vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.</p> <p>31.3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản Kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án, hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>31.3.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>31.3.2. Trình tự, thủ tục ra Nghị quyết/Quyết định và nội dung Nghị quyết/Quyết định vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p><i>Trường hợp Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHCĐ trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này</i></p>
----	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Chương V	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
37	<p><b>Điều 36. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị (HDQT)</b></p> <p>36.1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>36.2. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là (05) năm người và nhiều nhất là (09) chín người bao gồm (01) một Chủ tịch, (01) một Phó Chủ tịch và các uỷ viên, số lượng cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đa số thông thường. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm, thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trong đó khoảng (1/3) một phần ba tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành. Các thành viên Hội đồng Quản trị được bầu bằng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo phương thức bầu dồn phiếu.</p> <p>36.3. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn sau đây:</p> <p>36.3.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>36.3.2. Là cổ đông cá nhân sở hữu trên (5%) năm phần trăm tổng</p>	<p><i>Điều 36 của điều lệ hiện hành được tách thành 03 điều gồm: Điều 33, Điều 34 Điều 36 của Điều lệ sửa đổi lần 7</i></p> <p><b>Điều 33. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên HDQT</b></p> <p><i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này sửa đổi và bổ sung thêm quy định:</i></p> <p>33.1. Số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là chín (09) người bao gồm một (01) Chủ tịch, một (01) Phó Chủ tịch và các Thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đa số thông thường. Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các Thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; <i>cần đảm bảo sự cân đối giữa các Thành viên kiêm điều hành và các Thành viên không điều hành cần có lộ trình theo định hướng tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị là Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.</i></p> <p>33.4. <i>Thông tin về những người được đề cử vào Hội đồng Quản trị phải được công bố trước khi tổ chức bầu dồn phiếu tại Đại hội đồng cổ đông, gồm có: danh tính của ứng viên; danh tính của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó; độ tuổi và trình độ học vấn của ứng viên; kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của ứng viên; những vị trí công tác mà ứng viên đảm nhiệm.</i></p> <p>33.5. <i>Trường hợp Hội đồng Quản trị đã hết nhiệm kỳ mà Đại</i></p>

<p>số cổ phần phổ thông, hoặc người khác không phải là cổ đông của Công ty nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, hoặc chứng khoán;</p> <p>36.3.3. Thành viên Hội đồng Quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tập đoàn Bảo Việt;</p> <p>36.3.4. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên;</p> <p>36.3.5. Có kinh nghiệm, năng lực tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức thực hiện các lĩnh vực kinh doanh thuộc phạm vi ngành nghề của Công ty;</p> <p>36.3.6. Hiểu biết về pháp luật, các văn bản hiện hành về quản lý kinh doanh và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp;</p> <p>36.3.7. Có sức khỏe, có tư cách phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết;</p> <p>36.3.8. Là cổ đông, hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông tổ chức của Công ty;</p> <p>36.3.9. Không phải là người thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý điều hành và là thành viên Hội đồng Quản trị của các doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh giống như của Công ty.</p> <p>36.4. Cổ đông nắm giữ từ (05%) năm phần trăm trở xuống tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất (06) sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đạt tỉ lệ trên (05%) năm phần trăm tổng số cổ phần phổ thông để đề cử các ứng viên vào Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 5% đến dưới 10% số</p>	<p><i>hội đồng cổ đông chưa bầu được Hội đồng Quản trị mới, Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.</i></p> <p><b>Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT</b></p> <p><i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này sửa đổi và bổ sung thêm quy định:</i></p> <p>34.4. Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty Chứng khoán khác; <i>không được đồng thời làm Thành viên Hội đồng Quản trị của trên năm (05) Công ty khác, trừ trường hợp là Thành viên Hội đồng Quản trị của các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc Công ty hoạt động theo Nhóm Công ty, bao gồm Công ty Mẹ - Công ty Con, Tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Chứng khoán.</i></p> <p>34.5. <i>Không được từng là Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc đại diện theo Pháp luật của một Công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm Pháp luật nghiêm trọng.</i></p> <p>34.6. <i>Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả Thành viên Hội đồng Quản trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của Pháp luật, Quy chế Quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các Thành viên phải thông báo với Chủ tịch hội đồng quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những Thành viên Hội đồng Quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.</i></p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p>cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất (06) sáu tháng được đề cử (01) một thành viên; Từ 10% đến dưới 30% được đề cử (02) hai thành viên; Từ 30% đến dưới 50% được đề cử (03) ba thành viên; Từ 50% đến dưới 65% được đề cử (04) bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>36.5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên, hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử</p> <p>36.6. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>36.6.1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>36.6.2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>36.6.3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>36.6.4. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng (06) sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng Quản trị không cho phép</p>	<p><b>Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT</b></p> <p><i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này bổ sung thêm quy định:</i></p> <p><i>Khi số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị.</i></p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	<p>thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>36.6.5. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng Quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>36.7. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.</p> <p>36.8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>36.9. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>	
38	<p><b>Điều 37. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT</b></p> <p>37.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là Cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>37.2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.</p> <p>37.3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định</p>	<p><b>Điều 32. Thẩm quyền của HĐQT</b></p> <p><i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này bổ sung thêm quy định:</i></p> <p>32.2.15. <i>Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị để ĐHĐCĐ thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với</i></p>

	<p>của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>37.3.1. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>37.3.2. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>37.3.3. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;</p> <p>37.3.4. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>37.3.5. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;</p> <p>37.3.6. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>37.3.7. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>37.3.8. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>37.3.9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý, hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng Quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p>	<p><i>Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;</i></p> <p>32.2.16. <i>Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;</i></p> <p>32.2.17. <i>Hội đồng Quản trị cử Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (nếu có) phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự. Công ty phải có văn bản gửi SGDCK công bố thông tin về việc bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (nếu có) phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự.</i></p> <p>32.6. <i>Trường hợp các Nghị quyết/Quyết định đã được Hội đồng Quản trị thông qua nhưng vi phạm Pháp luật, vi phạm nguyên tắc quản trị và Điều lệ Công ty, các cổ đông hoặc Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Công ty phải lập tức hủy bỏ Nghị quyết/Quyết định có liên quan.</i></p> <p>37.1 <i>Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Thành viên Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:</i></p> <p>37.1.1 <i>Quyền của Thành viên Hội đồng Quản trị:</i></p> <p>37.1.1.1 <i>Quyền được cung cấp thông tin:</i></p> <p>a. <i>Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;</i></p> <p>b. <i>Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu</i></p>
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p>37.3.10. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; Tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>37.3.11. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.</p> <p>37.4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:</p> <p>37.4.1. Thành lập Chi nhánh, hoặc các Văn phòng Đại diện của Công ty;</p> <p>37.4.2. Thành lập các Công ty Con của Công ty;</p> <p>37.4.3. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh);</p> <p>37.4.4. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là Đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>37.4.5. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>37.4.6. Các khoản đầu tư mua sắm trang thiết bị và tài sản cố định không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá (10%) mười phần trăm giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm; Hạn mức đầu tư theo danh mục tự doanh vượt quá (10%) mười phần trăm giá trị của từng loại chứng khoán trong danh mục đầu tư tự doanh;</p> <p>37.4.7. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác</p>	<p><i>của Thành viên Hội đồng Quản trị.</i></p> <p>37.1.1.2 <i>Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác: Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương và lợi ích khác cho Thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả quản lý hoạt động kinh doanh. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Thành viên Hội đồng Quản trị được trả theo quy định của Công ty. Tổng số tiền trả thù lao cho các Thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</i></p> <p>37.1.1.3 <i>Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch, hoặc Phó Chủ tịch), hoặc Thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các Tiểu ban/Ủy ban/Hội đồng (sau đây gọi chung là "Tiểu ban") của Hội đồng Quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một Thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.</i></p> <p>37.1.1.4 <i>Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, hoặc các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p>37.1.1.5 <i>Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và của</i></p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	<p>được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>37.4.8. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>37.4.9. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá (10%) mười phần trăm mỗi loại cổ phần;</p> <p>37.4.10. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>37.4.11. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p> <p>37.5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình. Cụ thể là: Việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.</p> <p>37.6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p> <p>37.7. Thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do</p>	<p><i>Pháp luật.</i></p> <p>37.1.1.6 <i>Nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng Quản trị:</i></p> <p>37.1.1.7 <i>Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Điều lệ này, quy định của Pháp luật và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>37.1.1.8 <i>Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;</i></p> <p>37.1.1.9 <i>Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</i></p> <p>37.1.1.10 <i>Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến rõ ràng về các nội dung được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;</i></p> <p>37.1.1.11 <i>Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng Quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại Trụ sở chính và Chi nhánh của Công ty;</i></p> <p>37.1.1.12 <i>Các Thành viên Hội đồng Quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;</i></p> <p>37.1.1.13 <i>Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật;</i></p>
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



	<p>Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị, hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>37.8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>37.9. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch, hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.</p> <p>37.10. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>	
39	<p><b>Điều 38. Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT</b></p> <p>38.1. Chủ tịch và Phó Chủ tịch sẽ do Hội đồng Quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu. Trừ khi</p>	<p><b>Điều 38. Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT</b></p> <p><i>Giữ nguyên như điều lệ hiện hành</i></p>

Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

38.2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

- 38.2.1. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị;
- 38.2.2. Triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông do Trưởng Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông thành lập triệu tập;
- 38.2.3. Ban hành và giám sát việc thực hiện các quy chế tổ chức, hoạt động và chế độ làm việc của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;
- 38.2.4. Chuẩn bị nội dung, chương trình các phiên họp Hội đồng Quản trị và của Đại hội đồng cổ đông;
- 38.2.5. Lập kế hoạch và phân công các thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty;
- 38.2.6. Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và đình chỉ hoặc hủy bỏ mọi quyết định của bộ máy điều hành Công ty nếu trái Pháp luật, trái Điều lệ, trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc trái Nghị quyết Hội đồng

	<p>Quản trị;</p> <p>38.2.7. Chỉ đạo Tổng Giám đốc chuẩn bị các báo cáo, phối hợp với các thành viên Ban Kiểm soát chuẩn bị những nội dung kiểm tra hoạt động của Công ty trước khi trình Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>38.2.8. Phê duyệt và ký ban hành các văn bản thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Khoản 37.4, Điều 37 Điều lệ này</p> <p>38.3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>38.4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>38.5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10) mười ngày.</p>	
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

### **Điều 39. Các Cuộc họp HĐQT**

39.1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn (07) bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên Hội đồng Quản trị có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này sẽ bầu theo nguyên tắc đa số chọn một người trong số họ để triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

39.2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất (07) bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp (01) một lần.

39.3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

39.3.1. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất (05) năm cán bộ quản lý;

39.3.2. Hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;

39.3.3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị;

39.3.4. Đa số thành viên Ban Kiểm soát.

39.4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 39.3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn (15) mười lăm ngày

### **Điều 35. Cuộc họp HĐQT và biên bản họp**

*Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này sửa đổi và bổ sung thêm quy định:*

35.8. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là Thành viên Hội đồng Quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

35.9. Cuộc họp Hội đồng Quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số Thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

35.1.4. Hội đồng Quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các Tiểu ban trực thuộc. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều Thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều Thành viên bên ngoài theo Quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là Thành viên Hội đồng Quản trị vào các Tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách Thành viên của Tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng Thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số Thành viên của Tiểu ban và (b) Nghị quyết của các Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có hơn năm mươi phần trăm (50%) Thành

<p>sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 39.3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.</p> <p>39.5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>39.6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.</p> <p>39.7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất (05) năm ngày trước khi tổ chức họp. Các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng buu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p><i>viên của Tiểu ban tham dự và biểu quyết thông qua, đồng thời phải có hơn năm mươi phần trăm (50%) Thành viên Hội đồng quản trị tham gia Tiểu ban đó tham dự và biểu quyết thông qua tại phiên họp. Trường hợp các ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì Nghị quyết được thông qua theo phía có ý kiến của người đứng đầu Tiểu ban..</i></p> <p><i>35.16. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều phải được lập Biên bản với bản chính thức bằng tiếng Việt và phải có tất cả Thành viên dự họp phải ký vào Biên bản họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi Biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp. Trường hợp Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được thông qua theo đúng quy định của Pháp luật nhưng có Thành viên từ chối ký Biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại Biên bản họp. Biên bản họp phải đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển Biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các Thành viên và Biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.</i></p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

39.8. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

39.9. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất (3/4) ba phần tư số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

39.10. Biểu quyết:

39.10.1. Trừ quy định tại Điểm 39.9.2 Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

39.10.2. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

39.10.3. Theo quy định tại Điểm 39.9.4 Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được

chuyên tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

39.10.4. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm 47.5.1 và Điểm 47.5.2 Điều 47 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

39.11. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

39.12. Biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

39.13. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị

sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- 39.13.1. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- 39.13.2. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này), hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

- 39.14. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng Quản trị sau đây:
  - 39.14.1. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị;



39.14.2. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng Quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

39.15. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp.

39.16. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các Tiểu ban trực thuộc. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành

	<p>viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>39.17. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.</p>	
41	<p style="text-align: center;"><b>Không quy định</b></p>	<p><b>Điều 37. Thành phần HĐQT độc lập, không điều hành</b></p> <p><i>37.1. Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành là Thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là Thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng hoặc cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.</i></p> <p><i>37.2. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập là Thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng các điều kiện sau:</i></p> <p><i>37.2.1. Là Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;</i></p> <p><i>37.2.2. Không phải là Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của các Công ty Con, Công ty Liên kết, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát;</i></p> <p><i>37.2.3. Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ</i></p>

		<p><i>đồng lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của Công ty;</i></p> <p><i>37.2.4. Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Công ty trong hai (02) năm gần nhất;</i></p> <p><i>37.2.5. Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của Công ty trong hai (02) năm gần nhất.</i></p>
42	<p><b>Không quy định</b></p>	<p><b>Điều 39. Bộ phận Quản trị rủi ro</b></p> <p><i>39.1. Công ty phải thiết lập Bộ phận Quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro như sau:</i></p> <p><i>39.1.1. Quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của công ty và của từng bộ phận trong công ty;</i></p> <p><i>39.1.2. Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong công ty;</i></p> <p><i>39.1.3. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.</i></p> <p><i>39.1.4. Các chức năng và nguyên tắc hoạt động khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.</i></p> <p><i>39.2. Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi</i></p>

		<p><i>ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của công ty và khách hàng của công ty. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của hệ thống thực thi quản trị rủi ro do Ban Giám đốc thiết lập phải tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành. Hệ thống thực thi quản trị rủi ro thực hiện các nhiệm vụ sau:</i></p> <p><i>39.2.1. Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của công ty;</i></p> <p><i>39.2.2. Xác định rủi ro của công ty;</i></p> <p><i>39.2.3. Đo lường rủi ro;</i></p> <p><i>39.2.4. Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.</i></p>
43	<b>Không quy định</b>	<p><b>Điều 40. Bộ phận Kiểm toán nội bộ</b></p> <p><i>40.1. Công ty phải thiết lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:</i></p> <p><i>40.1.1. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách Pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;</i></p> <p><i>40.1.2. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;</i></p> <p><i>40.1.3. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;</i></p> <p><i>40.1.4. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;</i></p> <p><i>40.1.5. Đánh giá việc tuân thủ các quy định Pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;</i></p>

- 40.1.6. *Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;*
- 40.1.7. *Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;*
- 40.1.8. *Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;*
- 40.1.9. *Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;*
- 40.1.10. *Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;*
- 40.1.11. *Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;*
- 40.1.12. *Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các Công ty Con;*
- 40.1.13. *Các chức năng khác theo quy định của Điều lệ này, quy định của Công ty và của Pháp luật.*
- 40.2. *Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm các nguyên tắc sau:*
- 40.2.1. *Tính độc lập: bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập với các bộ phận khác của công ty chứng khoán, kể cả ban điều hành; hoạt động kiểm toán nội bộ độc lập với các hoạt động điều hành, nghiệp vụ của công ty chứng khoán; cán bộ làm công tác kiểm toán nội bộ không được đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ, không được kiêm nhiệm công việc tại các bộ phận nghiệp vụ như môi giới, tự doanh, phân tích, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành, quản trị rủi ro;*
- 40.2.2. *Tính khách quan: bộ phận kiểm toán nội bộ, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, không định kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Công ty chứng khoán phải bảo đảm kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào khi thực hiện*

*đúng nhiệm vụ của mình;*

*Nhân viên kiểm toán nội bộ phải thể hiện tính khách quan trong quá trình thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin về hoạt động hoặc các quy trình, hệ thống đã hoặc đang được kiểm toán. Kiểm toán viên nội bộ cần đưa ra đánh giá một cách công bằng về tất cả các vấn đề liên quan và không bị chi phối bởi mục tiêu quyền lợi riêng hoặc bởi bất kỳ ai khác khi đưa ra nhận xét, đánh giá của mình;*

*40.2.3. Tính trung thực: kiểm toán viên nội bộ phải thực hiện công việc của mình một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm; tuân thủ luật pháp và thực hiện các nội dung công việc công khai theo quy định của Pháp luật và nghề nghiệp;*

*40.2.4. Bảo mật: nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ cần tôn trọng giá trị và quyền sở hữu của thông tin nhận được, không được tiết lộ thông tin mà không có ủy quyền hợp lệ trừ khi có nghĩa vụ phải tiết lộ thông tin theo quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.*

*40.3. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:*

*40.3.1. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;*

*40.3.2. Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;*

*40.3.3. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận*

		<p><i>chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh trong Công ty;</i></p> <p><i>40.3.4. Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;</i></p> <p><i>40.3.5. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.</i></p>
<b>Chương VI</b>	<b>TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b>	<b>TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b>
44	<p><b>Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p>Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị và được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</p> <p><b>Điều 41. Cán bộ quản lý</b></p> <p>41.1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng Quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>41.2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác</p>	<p><b>Điều 40 và Điều 41 của điều lệ hiện hành được gộp chung thành Điều 41 Điều lệ lần 7, đồng thời có tiến hành sửa đổi và bổ sung thêm các điều khoản khác, cụ thể:</b></p> <p><b>Điều 41. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc</b></p> <p>41.1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>41.2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc và các Thành viên Ban Tổng Giám đốc khác là không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng Thành viên Ban Tổng Giám đốc đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị phải ít hơn hai phần ba (2/3) tổng số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị.</p>

trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

41.3. Ban Tổng Giám đốc cần thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng. Ban Tổng Giám đốc cần thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của Pháp luật.

41.4. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng Quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:

41.4.1. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của Thành viên Ban Tổng Giám đốc;

41.4.2. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;

41.4.3. Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.

41.5. Nghĩa vụ của Thành viên Ban Tổng Giám đốc:

41.5.1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và Pháp luật;

41.5.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;

41.5.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của



		<p><i>Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</i></p> <p><i>41.5.4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được lưu tại Trụ sở chính và Chi nhánh của Công ty;</i></p> <p><i>41.5.5. Thành viên Ban Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;</i></p> <p><i>41.5.6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.</i></p> <p><i>41.6. Quyền lợi của Thành viên Ban Tổng Giám đốc</i></p> <p><i>41.6.1. Thành viên Ban Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận thù lao, tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định;</i></p> <p><i>41.6.2. Thù lao và tiền lương của Thành viên Ban Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo Tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</i></p>
--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

45	<p><b>Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</b></p> <p>42.1. Bổ nhiệm: Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>42.2. Nhiệm kỳ: Theo Điều 38 của Điều lệ này, Tổng Giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc tối đa là (05) năm năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</p> <p>42.3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc:</p> <p>42.3.1. Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>42.3.2. Không phải là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo uỷ quyền;</p>	<p><b>Điều 42. Nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện và miễn nhiệm Tổng Giám đốc</b></p> <p><i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này bổ sung thêm quy định:</i></p> <p>42.1.11. <i>Trước khi kết thúc tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị bản kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.</i></p> <p>42.2.8. <i>Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác trừ việc quản trị các Công ty Con, các Công ty Liên kết và các Công ty khác thuộc quyền kiểm soát của Công ty;</i></p>
----	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p>42.3.3. Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 79 Luật Chứng khoán;</p> <p>42.3.4. Có thâm niên công tác ít nhất là (03) ba năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;</p> <p>42.3.5. Không phải là người hành nghề đã bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 80 Luật Chứng khoán;</p> <p>42.3.6. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc tại một doanh nghiệp khác;</p> <p>42.3.7. Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của Công ty hợp danh, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trong thời hạn (03) năm kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng;</p> <p>42.3.8. Tổng Giám đốc không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tập đoàn Bảo Việt.</p> <p>42.4. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>42.4.1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>42.4.2. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị</p>	
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

42.4.3. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng Quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

42.4.4. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

42.4.5. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

42.4.6. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;

42.4.7. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

42.4.8. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng

năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

42.4.9. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

42.5. Báo cáo lên Hội đồng Quản trị và các cổ đông: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các Cơ quan này khi được yêu cầu.

42.6. Từ nhiệm, bãi nhiệm và đương nhiên mất tư cách:

42.6.1. Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng Quản trị để xem xét quyết định; Đơn đề nghị của Tổng Giám đốc phải gửi trước muộn nhất là (45) bốn mươi năm ngày;

42.6.2. Tổng Giám đốc có thể bị đương nhiên mất tư cách theo các quy định hiện hành của UBCKNN. Hội đồng Quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện quy định tại Khoản 42.3 Điều này để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc;

42.6.3. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ (2/3) hai phần ba thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một

	<p>Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</p> <p>Khi tạm đình chỉ, miễn nhiệm, hoặc bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị phải có văn bản báo cáo gửi UBCKNN.</p>	
46	<b>Điều 43. Thư ký công ty</b>	<p><b>Điều 44. Thư ký công ty</b></p> <p><i>Giữ nguyên như điều lệ hiện hành</i></p>
47	<p><b>Điều 10. Các quy định về kiểm soát nội bộ</b></p> <p>10.1. Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ Công ty.</p> <p>Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ quy định về kiểm soát nội bộ.</p> <p>10.2. Định kỳ Công ty tiến hành kiểm tra và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.</p> <p>10.3. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Tổng Giám đốc Công ty để hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.</p>	<p><b>Điều 43. Bộ phận kiểm soát nội bộ</b></p> <p><b>Sửa đổi như sau:</b></p> <p><i>43.1. Công ty cần thiết lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc. Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách.</i></p> <p><i>43.2. Bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:</i></p> <p><i>43.2.1. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;</i></p> <p><i>43.2.2. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã</i></p>

*ủy quyền.*

*43.2.3. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;*

*43.2.4. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;*

*43.2.5. Tách biệt tài sản của khách hàng;*

*43.2.6. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;*

*43.2.7. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của Pháp luật về phòng, chống rửa tiền;*

*43.2.8. Nội dung khác theo nhiệm vụ Ban Tổng Giám đốc giao.*

*43.3. Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty bao gồm cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu:*

*43.3.1. Hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;*

*43.3.2. Bảo đảm quyền lợi khách hàng;*

*43.3.3. Hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;*

*43.3.4. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập Báo cáo Tài chính của Công ty.*

*43.3.5. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có mối liên hệ chặt chẽ với bộ phận Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng Quản trị Công ty.*

*43.4. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ*

*43.4.1. Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình*

		<p><i>độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;</i></p> <p><i>43.4.2. Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh trong Công ty;</i></p> <p><i>43.4.3. Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</i></p> <p><i>43.4.4. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.</i></p>
<b>Chương VII</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>
48	<p><b>Điều 44. Thành viên Ban Kiểm soát</b></p> <p>44.1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát ít nhất là ba (03) và nhiều nhất là năm (05) thành viên. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đa số thông thường, Các thành viên của Ban Kiểm soát được bầu bằng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo phương thức bầu dồn phiếu.</p> <p>44.2. Tiêu chuẩn của thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>44.2.1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><b>Điều 46. Thành viên Ban Kiểm soát</b></p> <p><i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này bổ sung thêm quy định:</i></p> <p><i>46.5. Trưởng ban là người có chuyên môn về kế toán - tài chính;</i></p> <p><i>46.6. Quy định cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát</i></p> <p><i>46.6.1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát.</i></p> <p><i>46.6.2. Mỗi năm Ban Kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu hai</i></p>



<p>44.2.2. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, của Tổng Giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>44.2.3. Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p> <p>44.2.4. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng;</p> <p>44.2.5. Ít nhất có một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên; Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>44.3. Quyền đề cử thành viên Ban Kiểm soát: Cổ đông nắm giữ từ (05%) năm phần trăm trở xuống tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất (06) sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đạt tỷ lệ trên (05%) năm phần trăm tổng số cổ phần phổ thông để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất (06) sáu tháng được đề cử (01) một thành viên; Từ 10% đến dưới 30% được đề cử (02) hai thành viên; Từ 30% đến dưới 50% được đề cử (03) ba thành viên; Từ 50% đến dưới 65% được đề cử (04) bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>44.4. Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát: Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm, Các thành viên Ban Kiểm soát</p>	<p>(02) lần.</p> <p>46.6.3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số Thành viên tham dự.</p> <p>46.8.9. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	<p>có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát phải chỉ định một thành viên Ban Kiểm soát là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>44.4.1. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;</p> <p>44.4.2. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;</p> <p>44.4.3. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>44.5. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>44.5.1. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>44.5.2. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến Trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>44.5.3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>44.5.4. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>44.5.5. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban Kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

<p>49</p>	<p><b>Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát</b></p> <p>45.1. Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát mọi hoạt động và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát phải hành động một cách độc lập với HĐQT và Tổng Giám đốc và phải báo cáo với Đại hội đồng cổ đông</p> <p>45.2. Ban Kiểm soát có quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>45.2.1. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>45.2.2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>45.2.3. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>45.2.4. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị;</p> <p>45.2.5. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>45.2.6. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý</p>	<p><b>Điều 45 Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát</b></p> <p><i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này bổ sung thêm quy định:</i></p> <p>45.1.4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHQĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định Điểm 18.1.3 Điều 18 của Điều lệ này;</p> <p>45.1.5. Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định Điểm 18.1.3 Điều 18 của Điều lệ này của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>45.1.6. Khi có yêu cầu khởi kiện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm 18.1.8 Điều 18 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện.</p> <p>45.1.7. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc ĐHQĐ các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành</p>
-----------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p>kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;</p> <p>45.2.7. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận; và</p> <p>45.2.8. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p> <p>45.3. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng Quản trị.</p> <p>45.4. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu (02) hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là (2/3) hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>45.5. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát sẽ không vượt quá mức tối đa do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p><i>công việc kinh doanh của Công ty;</i></p> <p><i>45.1.8. Khi phát hiện có Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm Pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng, xâm phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, đồng thời có giải pháp nhằm khắc phục hậu quả. Nếu vi phạm đó nghiêm trọng hoặc thành viên vi phạm không chịu thực hiện chấm dứt, điều chỉnh hành vi vi phạm đúng thời hạn theo yêu cầu, Ban Kiểm soát phải đề nghị triệu tập họp ĐHĐCĐ để đề xuất biện pháp giải quyết tiếp theo;</i></p> <p><i>45.1.9. Đối với trường hợp Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc của Công ty vi phạm nghiêm trọng các quy định của Pháp luật, Ban Kiểm soát phải trực tiếp báo cáo lên UBCKNN bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;</i></p> <p><i>45.1.10. Trường hợp Thành viên Ban Kiểm soát biết rằng các Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm quy định của Pháp luật, nguyên tắc quản trị và Điều lệ Công ty, xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty nhưng không thực hiện thông báo, thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định thì Thành viên Ban Kiểm soát đó phải chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của mình;</i></p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Chương VIII	NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC
50	<b>Điều 46. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý</b>	<b>Điều 47. Trách nhiệm cẩn trọng</b> <i>Giữ nguyên như điều lệ hiện hành.</i>
51	<b>Điều 47 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b>	<b>Điều 48 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b> <i>Giữ nguyên như điều lệ hiện hành.</i>
52	<p><b>Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p>48.1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>48.2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay Công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản</p>	<p><b>Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p><i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này bổ sung thêm quy định:</i></p> <p>49.3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>

	<p>lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	
<b>Chương IX</b>	<b>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	<b>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>
53	<p><b>Điều 49. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p> <p>49.4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.</p>	<p><b>Điều 50. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p> <p><i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều này sửa đổi khoản cuối cùng, cụ thể:</i></p> <p>50.4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p>
<b>Chương X</b>	<b>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	<b>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>

54	<b>Điều 50. Công nhân viên và công đoàn</b>	<b>Điều 51. Công nhân viên và công đoàn</b> <i>Giữ nguyên như điều lệ hiện hành.</i>
<b>Chương XI</b>	<b>PHÂN CHIA LỢI NHUẬN</b>	<b>PHÂN CHIA LỢI NHUẬN</b>
55	<b>Điều 51. Cổ tức</b>	<b>Điều 52. Cổ tức</b> <i>Giữ nguyên như điều lệ hiện hành.</i>
56	<b>Điều 52. Vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận</b> Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	<b>Điều 53. Vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh</b> <i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này bổ sung thêm quy định:</i> <i>53.2. Xử lý lỗ trong kinh doanh: lỗ năm trước được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi và theo quy định của Pháp luật.</i>
<b>Chương XII</b>	<b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b>	<b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b>
57	<b>Điều 53. Tài khoản ngân hàng</b>	<b>Điều 54. Tài khoản ngân hàng</b> <i>Giữ nguyên như điều lệ hiện hành.</i>

58	<p><b>Điều 54. Trích lập các quỹ theo quy định</b></p> <p>55.1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng) để lập các quỹ sau đây:</p> <p>55.1.1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 100% vốn điều lệ;</p>	<p><b>Điều 55. Trích lập các quỹ</b></p> <p><i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này sửa đổi như sau:</i></p> <p>55.1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng) để lập các quỹ sau đây:</p> <p>55.1.1. <i>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng năm phần trăm (5%) lợi nhuận ròng cho đến khi bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;</i></p> <p>55.1.2. <i>Bỏ quy định trích lập Quỹ dự phòng giảm giá chứng khoán.</i></p>
59	<p><b>Điều 55. Năm tài chính</b></p>	<p><b>Điều 56. Năm tài chính</b></p> <p><i>Giữ nguyên như điều lệ hiện hành.</i></p>
60	<p><b>Điều 56. Hệ thống kế toán</b></p>	<p><b>Điều 57. Hệ thống kế toán</b></p> <p><i>Giữ nguyên như điều lệ hiện hành.</i></p>
<p><b>Chương XIII</b></p>	<p><b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b></p>	<p><b>CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN</b></p>
61	<p><b>Điều 57. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</b></p> <p>57.1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 59 của Điều lệ này, và trong thời hạn (90) chín mươi ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm</p>	<p><b>Điều 58. Chế độ báo cáo</b></p> <p><i>Ngoài việc giữ nguyên các quy định về các loại báo cáo như điều lệ hiện hành, thì điều khoản này còn sửa đổi về thời hạn nộp các báo cáo này, đồng thời bổ sung thêm một số báo cáo khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm tuân thủ theo đúng các quy định của Pháp luật, cụ thể:</i></p> <p>58.1.1 <i>Báo cáo tình hình hoạt động tháng tới UBCKNN, các Sở</i></p>



	<p>quyền, UBCKNN, SGDCK và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>57.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <p>57.3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của UBCKNN và nộp cho UBCKNN và SGDCK.</p> <p>57.4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế Trung ương trong vòng (03) ba số liên tiếp. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.</p> <p>57.5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại Trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p><i>Giao dịch và các cơ quan quản lý có thẩm quyền khác;</i></p> <p><i>58.1.3. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06 đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán;</i></p> <p><i>58.1.4.1. Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động năm của Công ty;</i></p> <p><i>58.1.4.2. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12 được kiểm toán theo quy định;</i></p> <p><i>58.2 Quy định về nghĩa vụ báo cáo bất thường;</i></p> <p><i>58.3 Quy định về nghĩa vụ báo cáo theo yêu cầu.</i></p>
--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p>62</p>	<p><b>Điều 58. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</b></p> <p>Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của UBCKNN và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 59. Công bố thông tin</b></p> <p><i>Sửa đổi như sau:</i></p> <p>59.1. Nghĩa vụ công bố thông tin</p> <p>59.1.1. Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;</p> <p>59.1.2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho cổ đông và công chúng đầu tư.</p> <p>59.2. Nội dung công bố thông tin</p> <p>59.2.1. Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:</p> <p>59.2.2. Công bố thông tin định kỳ về Báo cáo Tài chính năm kèm theo báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập;</p> <p>59.2.3. Công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật;</p> <p>59.2.4. Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>59.2.5. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên,</p>
-----------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p><i>trong Báo cáo Thường niên của Công ty.</i></p> <p>59.3. <i>Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định của Pháp luật. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:</i></p> <p>59.3.1. <i>Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;</i></p> <p>59.3.2. <i>Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;</i></p> <p>59.3.3. <i>Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của cổ đông và định kỳ công bố, giải đáp, trả lời những ý kiến đó và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.</i></p> <p>59.4. <i>Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.</i></p>
<b>Chương XIV</b>	<b>KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>	<b>KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>
	<p><b>Điều 59. Kiểm toán</b></p> <p>59.1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết, tiến hành các hoạt</p>	<p><b>Điều 60. Soát xét, kiểm toán</b></p> <p><b>Sửa đổi như sau:</b></p> <p>60.1. Báo cáo Tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày ba mươi một (31) tháng mười hai (12), Báo cáo Tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày ba</p>

	<p>động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị.</p> <p>59.2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>59.3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng (03) ba tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p> <p>59.4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</p> <p>59.5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	<p><i>mười (30) tháng sáu (06) của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét.</i></p> <p><i>60.2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCKNN chấp thuận và do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua dựa trên đề xuất của Ban Kiểm soát. Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính cho năm tài chính đầu tiên do Hội đồng Quản trị chỉ định.</i></p> <p><i>60.3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải lập và gửi Báo cáo Tài chính năm cho Công ty Kiểm toán Độc lập. Công ty Kiểm toán Độc lập kiểm tra, xác nhận và đưa ra ý kiến về Báo cáo Tài chính năm, lập Báo cáo Kiểm toán và gửi báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị cùng với Thư Quản lý (nếu có).</i></p> <p><i>60.4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán, soát xét các Báo cáo Tài chính của Công ty được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán độc lập.</i></p>
<p><b>Chương</b> <b>XV</b></p>	<p><b>CON DẤU</b></p>	<p><b>CON DẤU</b></p>

64	<p><b>Điều 60. Con dấu</b></p> <p>60.1. Hội đồng Quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>60.2. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><b>Điều 61. Con dấu</b></p> <p><i>Sửa đổi như sau:</i></p> <p>61.1. Hội đồng Quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật.</p> <p>61.2. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các bộ phận, cá nhân có liên quan sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Điều lệ này, các quy định nội bộ của Công ty và quy định của Pháp luật.</p>
Chương XVI	GIA HẠN, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	GIẢI THỂ, GIA HẠN HOẠT ĐỘNG, TỔ CHỨC LẠI, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY
65	<p><b>Điều 61. Chấm dứt hoạt động</b></p> <p>61.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>61.1.1. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả thời hạn đã gia hạn;</p> <p>61.1.2. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật;</p> <p>61.1.3. Công ty có thể bị giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ trong những trường hợp sau:</p> <p>61.1.3.1. Mục tiêu của Công ty không thực hiện được;</p>	<p><b>Điều 62. Giải thể công ty</b></p> <p><i>Sửa đổi như sau:</i></p> <p>62.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>62.1.1. ĐHĐCĐ quyết định việc giải thể Công ty và phải được UBCKNN chấp thuận phù hợp với các quy định của Pháp luật;</p> <p>62.1.2. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>62.1.3. UBCKNN thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc</p>

	<p>61.1.3.2. Công ty bị thua lỗ tới 3/4 vốn Điều lệ;</p> <p>61.1.3.3. Có yêu cầu chính đáng của nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 2/3 số vốn Điều lệ của Công ty;</p> <p>Trường hợp này phải được sự đồng ý của nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 3/4 số vốn Điều lệ của Công ty.</p> <p>61.1.4. Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.</p> <p>61.2. Quy định về việc giải thể Công ty trước thời hạn;</p> <p>61.3. Quy định về việc đóng cửa Chi nhánh, Văn phòng đại diện trước thời hạn.</p>	<p><i>bị Tòa án tuyên bố giải thể.</i></p> <p>62.2. <i>Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp mất khả năng thanh toán, Công ty phải thực hiện giải thể theo quy định của Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn thi hành</i></p> <p>62.3. <i>Hội đồng Quản trị Công ty thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của Công ty tại thời điểm giải thể. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng Quản trị và trước Pháp luật .</i></p> <p>62.4. <i>Công ty có thể đóng cửa Chi nhánh, Văn phòng Đại diện trước thời hạn theo quy định của Pháp luật .</i></p>
66	<p><b>Điều 62. Trường hợp bế tắc giữa các Thành viên Hội đồng Quản trị và cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 63. Trường hợp bế tắc giữa các Thành viên Hội đồng Quản trị và cổ đông</b></p> <p><i>Giữ nguyên như điều lệ hiện hành.</i></p>
67	<p><b>Điều 63. Gia hạn hoạt động</b></p> <p>63.1. Hội đồng Quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.</p> <p>63.2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p><b><i>Bỏ quy định này vì theo Điều 3 thời hạn hoạt động của Công ty đã được sửa đổi từ năm mười (50) năm thành vô thời hạn.</i></b></p>

68	<b>Không quy định</b>	<p><b>Điều 64. Tổ chức lại Công ty</b></p> <p>64.1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.</p> <p>64.2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Pháp luật liên quan.</p>
69	<p><b>Điều 64. Thanh lý</b></p> <p>64.1. Mượn nhất là (06) sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm (03) ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>64.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>64.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p>	<p><b>Điều 65. Thanh lý và phá sản Công ty</b></p> <p><i>Ngoài các quy định giữ nguyên như điều lệ hiện hành, điều khoản này bổ sung thêm quy định:</i></p> <p><b>65.2. Phá sản Công ty</b></p> <p><i>Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.</i></p>

	<p>64.3.1. Các chi phí thanh lý;</p> <p>64.3.2. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</p> <p>64.3.3. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;</p> <p>64.3.4. Các khoản vay (nếu có);</p> <p>64.3.5. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>64.3.6. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ quy định từ Điểm 64.3.1 đến 64.3.5 trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>	
<b>Chương XVII</b>	<b>TRANH CHẤP, TỔ TỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	<b>TRANH CHẤP, TỔ TỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>
70	<p><b>Điều 65. Tranh chấp, tố tụng</b></p> <p>65.1. Tổng Giám đốc là người đại diện Công ty trước Pháp luật trong các vụ tranh chấp, tố tụng;</p> <p>65.2. Tổng Giám đốc thay mặt Công ty tham gia tố tụng, giải quyết các tranh chấp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty.</p>	<p><b>Điều 66. Các tranh chấp có thể xảy ra</b></p> <p><b>Sửa đổi như sau:</b></p> <p>66.1. Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa Công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:</p> <p>66.1.1. Cổ đông với Công ty;</p> <p>66.1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay người quản lý quy định tại Điều lệ này;</p> <p>66.1.3. Khách hàng hoặc các đối tác liên quan khác với Công ty.</p> <p>66.2. Nội dung của tranh chấp cần giải quyết: các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền của các cổ</p>



		<p><i>đồng phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.</i></p> <p>66.3. <i>Tổng Giám đốc là người đại diện Công ty trước Pháp luật trong các vụ tranh chấp, tố tụng;</i></p> <p>66.4. <i>Tổng Giám đốc thay mặt Công ty tham gia tố tụng, giải quyết các tranh chấp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty.</i></p>
71	<p><b>Điều 66: Giải quyết tranh chấp nội bộ</b></p> <p>66.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p> <p>66.1.1. Cổ đông với Công ty; hoặc</p> <p>66.1.2. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.</p> <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng (15) mười lăm ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng</p>	<p><b>Điều 67: Cách xử lý và giải quyết tranh chấp</b></p> <p><b>Sửa đổi như sau:</b></p> <p>67.1. <i>Thương lượng và hoà giải: Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</i></p> <p>67.2. <i>Đưa ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế: Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.</i></p>

	<p>Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>66.2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng (06) sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế có thẩm quyền.</p> <p>66.3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.</p>	<p>67.3. <i>Chi phí thương lượng, hoà giải và chi phí của Tòa án:</i></p> <p>67.3.1. <i>Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải;</i></p> <p>67.3.2. <i>Các chi phí của Tòa án do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.</i></p>
72	<p style="text-align: center;"><b>Không quy định</b></p>	<p><b>Điều 68. Các giao dịch phải được chấp thuận</b></p> <p>68.1. <i>Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:</i></p> <p>68.1.1. <i>Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</i></p> <p>68.1.2. <i>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc;</i></p> <p>68.1.3. <i>Người có liên quan của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.</i></p> <p>68.2. <i>Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong Báo cáo Tài chính được</i></p>

		<p><i>kiểm toán, soát xét gần nhất. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật phải gửi dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch đến các Thành viên Hội đồng Quản trị, đồng thời niêm yết dự thảo hợp đồng tại Trụ sở chính, Chi nhánh của Công ty. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hợp đồng được niêm yết, Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;</i></p> <p><i>68.3. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác, ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 68.2 của Điều này. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</i></p>
<b>Chương XVIII</b>	<b>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>	<b>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>
73	<b>Điều 67. Bổ sung và sửa đổi điều lệ</b>	<b>Điều 69. Bổ sung và sửa đổi điều lệ</b> <i>Giữ nguyên như điều lệ hiện hành.</i>
<b>Chương XVIII</b>	<b>NGÀY HIỆU LỰC</b>	<b>NGÀY HIỆU LỰC</b>

74	<p><b>Điều 68. Ngày hiệu lực</b></p> <p>68.1. Bản điều lệ này gồm XIX Chương 68 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt nhất trí thông qua ngày 03 tháng 4 năm 2010 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>68.1.1. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>68.1.2. Một (01) bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước của địa phương</p> <p>68.1.3. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>68.1.4. Bốn (04) bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.</p> <p>68.2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>68.3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu (1/2) một phần hai tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.</p> <p>68.4. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 4 năm 2010.</p>	<p><b>Điều 70. Ngày hiệu lực</b></p> <p><b>Sửa đổi như sau:</b></p> <p>70.1. <i>Bản điều lệ này gồm Phần Mở đầu, XIX Chương và 70 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt nhất trí thông qua ngày [●●] tháng [●●] năm 2013 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</i></p> <p>Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>70.1.1. Một (01) bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước của địa phương</p> <p>70.1.2. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>70.1.3. Bốn (04) bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.</p> <p>70.2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>70.3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.</p> <p>70.4. <i>Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày [●●] tháng [●●] năm 2013</i></p>
----	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

